

Phụ lục 1

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030						Ghi chú	
						Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	NSTW	Trong đó:					NS tỉnh
							NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh			Trong đó:					
														Vốn được TW thông báo	Vốn TW chưa bố trí đủ KHTH 2021-2025	Vốn đề nghị TW bổ sung thêm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14			15	16	
	TỔNG CỘNG					17,649,325	14,582,788	2,986,930	692,055	551,555	140,500	15,368,253	14,031,233	6,143,200	912,880	6,975,153	1,337,020		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030					2,225,053	1,932,539	232,907	692,055	551,555	140,500	1,399,484	1,380,984	468,104	912,880	-	18,500		
a	Lĩnh vực giao thông					1,140,546	1,080,939	-	114,000	114,000	-	966,939	966,939	262,124	704,815	-	-		
1	Nâng cấp, cải tạo quốc lộ 24B đoạn Km23 - Km29	BQL DA ĐTXD các CT Giao thông	B	Phường Trương Quang Trọng và xã Sơn Tịnh	2025-	598,939	598,939		-			598,939	598,939		598,939				
2	Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Đăk Hà)		B	Xã Đăk Pxi	2024-	171,725	149,000		55,000	55,000		94,000	94,000	51,000	43,000			Danh mục đang điều chỉnh Chủ đầu tư	
3	Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông)	UBND xã Tu Mơ Rông	B	Xã Tu Mơ Rông	2024-	220,000	198,000		36,000	36,000		162,000	162,000	120,000	42,000				
4	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	UBND xã Ia Toi	B	Xã Ia Toi	2024-	149,882	135,000		23,000	23,000		112,000	112,000	91,124	20,876				
b	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					633,507	549,100	84,407	299,237	288,737	10,500	260,363	260,363	102,298	158,065	-	-		
5	Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cấm, thành phố Kon Tum	BQL NN&PTNT	B	Xã Đăk Cấm, xã Ngok Bay và xã Ngọc Ráo, tỉnh Quảng Ngãi	2023-	295,007	269,100	25,907	151,521	151,021	500	118,079	118,079		118,079				
6	Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	B	Trên địa bàn các xã phía Tây	2024-	155,000	100,000	55,000	70,014	60,014	10,000	39,986	39,986		39,986				
7	Kè chống sạt lở sông Đăk Tô Kan (đoạn cầu 42) huyện Đăk Tô	UBND xã Đăk Tô	B	Xã Đăk Tô	2023-2027	183,500	180,000	3,500	77,702	77,702		102,298	102,298	102,298					
c	Lĩnh vực văn hóa, Thể thao và Du lịch					60,000	60,000	-	10,000	10,000	-	50,000	50,000	-	50,000	-	-		
8	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh, tỉnh Kon Tum	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	B	Xã Đăk Tô	2025-	60,000	60,000		10,000	10,000		50,000	50,000		50,000				
d	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo					206,000	76,000	130,000	168,818	38,818	130,000	37,182	37,182	37,182	-	-	-		
9	Bổ sung thiết bị cho các trường theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	B	Trên địa bàn tỉnh	2024-2027	206,000	76,000	130,000	168,818	38,818	130,000	37,182	37,182	37,182					
e	Lĩnh vực cấp thoát nước					185,000	166,500	18,500	100,000	100,000	-	85,000	66,500	66,500	-	-	18,500		
10	Hệ thống thoát nước, via hè các tuyến nội thành, thành phố Kon Tum	UBND phường Kon Tum	B	Phường Kon Tum và phường Đăk Cấm	2023-2026	185,000	166,500	18,500	100,000	100,000		85,000	66,500	66,500			18,500		
II	Bố trí thực hiện các dự án có tính kết nối liên vùng, ven biển					2,800,000	2,800,000	-	-	-	-	2,800,000	2,800,000	-	-	2,800,000	-		
a	Lĩnh vực giao thông					2,800,000	2,800,000	-	-	-	-	2,800,000	2,800,000	-	-	2,800,000	-		
1	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn III (đoạn Km82 - Km125)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	Các phường: Trà Câu, Đức Phổ, Khánh Cường và Sa Huỳnh	2026-2029	2,800,000	2,800,000		-	-	-	2,800,000	2,800,000		2,800,000				

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030						Ghi chú	
						Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	NSTW	Trong đó:					NS tỉnh
							NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh			Vốn được TW thông báo	Vốn TW chưa bố trí đủ KHTH 2021-2025	Vốn đề nghị TW bổ sung thêm			
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030					12,624,272	9,850,249	2,754,023	-	-	-	11,168,769	9,850,249	5,675,096	-	4,175,153	1,318,520		
a	Lĩnh vực giao thông					9,734,272	7,420,249	2,314,023	-	-	-	8,408,749	7,420,249	3,930,249	-	3,490,000	988,500	-	
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại từ Km32 - Km89+513, Quốc lộ 24	Sở Xây dựng	B	Kon Plông, Ba Tơ	2026-2030	2,350,000	2,000,000	350,000				2,185,377	2,000,000	2,000,000			185,377		
2	Cầu và đường ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), đoạn qua đập Thạch Nham	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	Xã: Trà Giang, Trường Giang, Sơn Hạ	2026-2029	350,000	300,000	50,000	-	-	-	350,000	300,000	300,000			50,000		
3	Đường nối từ Quốc lộ 1 (nút giao đường dẫn cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi) đến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	Xã An Phú, xã Tư Nghĩa	2028-2031	1,200,000	660,000	540,000	-	-	-	900,000	660,000	300,000		360,000	240,000		
4	Đường giao thông kết nối liên vùng Quốc lộ 24B, tỉnh lộ 623, đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh, tỉnh lộ 673- Đường Hồ Chí Minh - Cửa khẩu Đăk Plô, Đăk Long	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN	B	Các xã Sơn Tịnh, Sơn Hạ, Sơn Hà, Sơn Tây,Măng Bút, Măng Ri, Ngọc Linh, xã Xốp, Đăk Long, Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi	2028-2031	1,500,000	1,100,000	400,000				1,350,000	1,100,000	250,000		850,000	250,000		
5	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 24 – Quốc lộ 1A - Khu du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen - Đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14C - Quốc lộ 40	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN	B	Các xã Sa Thầy, Rờ Kơi, Sa Loong, Bờ Y	2028-2031	2,000,000	1,100,000	900,000				1,300,000	1,100,000	400,000		700,000	200,000		
6	Đường trung tâm phía Đông xã Bờ Y	UBND xã Bờ Y	B	Xã Bờ Y	2026-2029	315,272	302,149	13,123				315,272	302,149	302,149			13,123		
7	Sửa chữa nâng đường huyện DH85 từ ngã ba Đăk Môn đến Đồn biên phòng Đăk Long 673 tỉnh Quảng Ngãi	UBND xã Đăk Long	B	Xã Đăk Môn, Xã Đăk Long	2026-2029	389,000	378,100	10,900				378,100	378,100	378,100					
8	Tuyến đường từ Km7 (QL24) đi giáp đường tỉnh ĐT.627C (Phổ Ninh - Ba Trang)	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	Xã Nguyễn Nghiêm	2026-2029	250,000	200,000	50,000				250,000	200,000			200,000	50,000		
9	Cụm công trình: Nút giao thông bùng binh đầu cầu Đăk Bla và Công viên phía Bắc Đăk Bla (từ đường Nguyễn Huệ đến nhà khách Công an)	UBND phường Kon Tum	B	Phường Kon Tum	2026-2029	300,000	300,000					300,000	300,000			300,000			
10	Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 24 đi thôn Vi Pờ Ê, vi K Oa, Vi Ô Lắc, xã Kon Plong	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN; UBND xã Kon Plông	B	Xã Kon Plông	2026-2029	120,000	120,000					120,000	120,000			120,000			
11	Đường từ Thủy lợi Đăk Yên xa ĐăkRơWa đi xã Iachim	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN	B	Xã Đăk Rơ Wa; xã Ia Chim	2026-2029	200,000	200,000					200,000	200,000			200,000			
12	Đường giao thông đi khu sản xuất đồng thời kết nối nội bộ 2 cụm công nghiệp Đăk La, Đăk Hà và cụm công nghiệp Thanh Trung, phường Đăk Cẩm tỉnh Quảng Ngãi	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN; UBND xã Đăk Hà	B	Xã Đăk Hà, Phường Đăk Cẩm	2026-2029	360,000	360,000					360,000	360,000			360,000			
13	Sửa chữa , nâng cấp đường từ xã Đăk Pek đi xã Đăk Plô	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN	B	Xã Đăk Pek; xã Đăk Plô	2026-2029	200,000	200,000					200,000	200,000			200,000			
14	Cầu và đường hai đầu cầu từ xã Đăk Năng đi xã Kroong (nay là xã Ya Chim đi xã Ngọc Bay)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN	B	Xã Ia Chim, xã Ngọc Bay	2026-2029	200,000	200,000					200,000	200,000			200,000			
b	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					520,000	500,000	20,000	-	-	-	500,020	500,000	500,000	-	-	20	-	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030							Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	NSTW	Trong đó:				NS tỉnh	
							NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh			Trong đó:					
														Vốn được TW thông báo	Vốn TW chưa bố trí đủ KHTH 2021-2025	Vốn đề nghị TW bổ sung thêm			
15	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp Cảng cá Cỏ Lũy thuộc xã An Phú (giai đoạn 2)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	B	Xã An Phú	2026-2029	220,000	200,000	20,000				200,020	200,000	200,000				20,000	
16	Hồ chứa nước Đăk PoKei (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT tỉnh	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2026-2030	300,000	300,000					300,000	300,000	300,000					
c	Lĩnh vực y tế					300,000	270,000	10,000	-	-	-	300,000	270,000	270,000	-	-	-	30,000	
17	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh (hạng mục: mở rộng bệnh viện Sản - Nhi; nâng cấp, cải tạo một số khoa, phòng, Sửa Cải tạo hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ)	Sở Y tế; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	Phường Nghĩa Lộ	2026-2029	300,000	270,000	10,000				300,000	270,000	270,000				30,000	
d	Lĩnh vực văn hóa, Thể thao và Du lịch					720,000	710,000	10,000	-	-	-	720,000	710,000	210,000	-	500,000	10,000	-	
18	Tôn tạo, phục dựng Di tích lịch sử Nhà ngục Kon Tum	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	B	Phường Kon Tum	2026-2030	100,000	90,000	10,000				100,000	90,000	90,000				10,000	
19	Bảo tàng và Thư viện tổng hợp tỉnh	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2026-2030	500,000	500,000					500,000	500,000			500,000			
20	Bảo quản, tu bổ, phục hồi các thắng cảnh trên địa bàn xã Măng Đen	Xã Măng Đen	B	Xã Măng Đen	2026-2030	120,000	120,000					120,000	120,000	120,000					
e	Hạ tầng khu công nghiệp và khu kinh tế					1,050,000	750,000	300,000	-	-	-	1,040,000	750,000	564,847	-	185,153	290,000		
21	Xây dựng hệ thống hạ tầng thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung khu vực phía Tây và phía Đông sông Trà Bồng Khu kinh tế Dung Quất	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	B	Xã Bình Sơn	2026-2029	200,000	150,000	50,000				200,000	150,000	150,000				50,000	
22	Tuyến đường từ đường Tri Bình - cảng Dung Quất đến đường vào Cảng hàng không Chu Lai	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	B	Xã Bình Sơn, xã Vạn Tường	2028-2031	350,000	240,000	110,000				350,000	240,000	240,000				110,000	
23	Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn KKT Dung Quất (giai đoạn 2)	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	B	KKT Dung Quất	2028-2031	500,000	360,000	140,000				490,000	360,000	174,847		185,153	130,000		
g	Cấp nước, thoát nước					300,000	200,000	100,000	-	-	-	200,000	200,000	200,000	-	-	-	-	
24	Chống ngập úng khu trung tâm thành phố KonTum (cũ)	UBND phường Kon Tum	B	Phường Kon Tum	2027-2030	300,000	200,000	100,000				200,000	200,000	200,000					